

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Quyên là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc “ Tranh chấp ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Minh U, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Cầu Quan, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Minh U là nguyên đơn như sau:**

Chị Nguyễn Thị Minh U và anh Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/6/2008 tại Ủy ban nhân dân phường 02, Quận , Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn

Ngọc Vĩnh Th, sinh ngày 29/9/2000 và Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh, sinh ngày 20/8/2010 hiện do chị U đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh U yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đánh đập lẫn nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Chị U yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh, sinh ngày 20/8/2010 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con ; Riêng đối với Nguyễn Ngọc Vĩnh Th, sinh ngày 29/9/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị U khai không có nợ ai.

- Anh Nguyễn Ngọc T là bị đơn vắng mặt và không có cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình.

- Cháu Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh trình bày: Cháu Nghi hiện đang sống với chị Uyên và có nguyện vọng tiếp tục sống với chị Uyên.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn còn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Minh U được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chấp nhận cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị U không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị U khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Ngọc T là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh U và anh Nguyễn Ngọc T chung sống có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị U vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời không cung cấp ý kiến của mình. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị U và anh T kết quả xác định cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị U có nhiều mâu thuẫn do anh T không quan tâm, chăm lo cho gia đình và hiện nay anh T và chị U không còn chung sống với nhau. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị U và anh T đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị U yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị U và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Vĩnh Th, sinh ngày 29/9/2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh, sinh ngày 20/8/2010. Xét thấy hiện nay chị U là người trực tiếp nuôi cháu Vĩnh Ngh, đồng thời cháu Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh có nguyện vọng tiếp tục sống với chị U. Do đó cần giao cháu Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Uy không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị U khai không có nợ ai nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy cần buộc chị Nguyễn Thị Minh U phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những cơ sở trên xét thấy quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh U.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh U được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung của chị U và anh T tên Nguyễn Ngọc Vĩnh Ngh, sinh ngày 20/8/2010 cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị U và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị U khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007745 ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C. Chị U đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C.
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- CCTHADS huyện T C.
- UBND P2,Q. ,TP.HCM
- Đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng